

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 17/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.
2. Ông Trương Công Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thúy Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2021/TLST-HS, ngày 28 tháng 12 năm 2021 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986. Nơi sinh: huyện H, tỉnh Kiên Giang. Hộ khẩu thường trú: Ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện H, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ 8, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm Tê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thiện Ngộ (chết) và bà Nguyễn Thị L; chồng: Ngô Quốc Dũng (đã ly hôn); con 01 người sinh năm 2013; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Ấp Bãi Ót, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

- Người làm chứng:

1/ Bà Trần Thị B, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: Ấp Bãi Ót, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Hằng), sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Tổ 23, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

4/ Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

5/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1953. Nơi cư trú: Tổ 9, ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 10/6/2021, Phạm Văn Đ cùng với Nguyễn Văn B và Trần Thị B đến vườn tôm của ông Nguyễn Văn Chính tại tổ 8, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K để T mua bạc phế liệu. Tại đây Đ gặp Nguyễn Thị N người giữ vườn tôm cho ông Chính, khi gặp nhau thì cả hai bên lời qua tiếng lại về việc Đ không L hệ trước với vợ chồng N mà lại nhờ Nguyễn Thị H em của N điện thoại cho ông Chính làm cho ông Chính chửi vợ chồng N nên giữa N và Đ xảy ra xô xát, Đ cầm dao cán vàng dọa cắt cổ N và dùng tay đẩy N té ngã xuống đất. Sau đó N bỏ vào nhà và điện thoại cho người chị tên Nguyễn Thị B đến nói chuyện với Đ. Sau khi B đến thì cả hai bên đôi co với nhau, N từ trong nhà đi ra nhặt một khúc gỗ có sẵn tại khu vực vườn tôm đánh vào người của Đ làm khúc gỗ gãy đôi. N tiếp tục nhặt khúc gỗ bị gãy đánh vào người Đ, Đ đưa tay trái lên đỡ nên làm tay bị thương, lúc này Nguyễn Thị L mẹ của N và Nguyễn Thị H em của N đến can ngăn. Đ phát hiện cấn tay trái bị đau nên đến Trung tâm y tế huyện K chẩn đoán, điều trị ngoại trú. Kết quả chụp Xquang ngày 10/6/2021 của Trung tâm y tế huyện K ghi nhận Đ bị gãy 1/3 dưới xương trụ trái.

- Việc T giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

+ Vật chứng vụ án T giữ được:

01 khúc cây khô (khúc gỗ) dài 66cm, có hình trụ tròn không đều, trên thân khúc cây có nhiều mắc nhánh được cắt vác và lõi lõm nhăm nhở, một đầu có chu vi 11,2cm, một đầu có chu vi 10cm (đã qua sử dụng).

01 khúc cây khô (khúc gỗ) dài 60cm, có hình trụ tròn không đều, trên thân khúc cây có nhiều mắc nhánh được cắt vác và lõi lõm nhăm nhở, một đầu có chu vi 11,5cm, một đầu có chu vi 10cm (đã qua sử dụng).

01 cây dao dài 21,5cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 10cm có chữ KIWI, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm (đã qua sử dụng).

+ Xử lý vật chứng: Đề nghị tịch T, tiêu hủy đôi 02 khúc gỗ là công cụ dùng vào việc phạm tội. Đối với con dao là của ông Nguyễn Văn B nhưng ông không nhận lại nên đề nghị tịch T, tiêu hủy.

* Tại bản kết luận giám Đ pháp y về thương tích số 363/KL-PY ngày 20/9/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Phạm Văn Đ như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám Đ: Gãy kín xương trụ trái đoạn 1/3 giữa, hiện đã có can xương.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 10% (Mười phần trăm).

3. Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích do vật tày diện giới hạn tác động một lực trực tiếp vào vùng cẳng tay trái hướng từ xương trụ sang xương quay theo trục giải phẫu cơ thể.

- Thời điểm hình thành thương tích: Trung tâm pháp y không có chức năng giám Đ thời điểm gây thương tích.

* Tại bản kết luận giám Đ pháp y về thương tích (bổ sung) số 373/KL-PY ngày 12/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận vật chứng như sau: Vật chứng gửi giám Đ (02 khúc gỗ trên) gây được thương tích cho Phạm Văn Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường chi phí mất T nhập và tiền tổn thất tinh thần là 333.760.000 đồng. Bị cáo chỉ đồng ý bồi thường 20.000.000 đồng, bị hại không nhận.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSKL ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phân tích tính chất và mức độ của hành vi mà bị cáo gây ra. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và Tộc trưởng hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám Đ.

Về phần bồi thường dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 333.760.000 đồng, trong đó đối với số tiền T nhập bị mất mà người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường là 293.760.000 đồng do yêu cầu bồi thường này chưa có chứng cứ chứng minh và xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên đề nghị áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 40.000.000 đồng là cao nên đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 590 Bộ luật Dân sự xem xét lại theo quy Đ.

Bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai tại phiên tòa là phù hợp với vật chứng của vụ án, kết luận giám định pháp y về thương tích, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được T thẩm phán có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 10/6/2021, tại tổ 8, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, Nguyễn Thị N đã dùng khúc gỗ đánh trúng vào cánh tay trái của Phạm Văn Đ gây thương tích. Qua giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 10% nên hành vi của N đã phạm vào điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Như vậy, hành vi dùng hung khí, phương tiện nguy hiểm gây ra thương tích của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của hành vi vi phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, không những trực tiếp xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo bị cáo biết tôn trọng pháp luật, thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận và tỏ ra biết ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trưởng hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

* Tại đơn yêu cầu người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 351.520.000 đồng nhưng tại phiên tòa người bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 333.760.000 đồng, trong đó bao gồm các khoản như sau:

- Tổn thất về mặt tinh thần, danh dự, nhân phẩm bị xúc phạm, nhục mạ: 40.000.000 đồng.
- Tổn thất mất hợp đồng xe cuốc: 209.760.000 đồng.
- Tổn thất trong việc nuôi tôm: 30.000.000 đồng.
- Tiền ăn uống, đi lại: 30.000.000 đồng.
- Tiền Tê tài xế xe cuốc: 24.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền bồi thường về tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm ông Đ đề nghị bị cáo bồi thường là 40.000.000 đồng xét thấy là cao so với

thực tế tổn thất về mặt tinh thần mà ông Đ phải gánh chịu nên xét thấy mức bồi thường là 20.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với khoản tiền bồi thường tổn thất về việc mất hợp đồng xe cuốc, tổn thất trong việc nuôi tôm, tiền ăn uống đi lại, tiền Tê tài xế xe cuốc ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 293.760.000 đồng, do chưa có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mất T nhập này bị ảnh hưởng bởi thương tích gây ra và xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự nên tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi nào ông Đ có chứng cứ chứng minh thì có thể khởi kiện yêu cầu bồi thường ở một vụ kiện khác.

Do ông Đ không nằm viện điều trị mà tự điều trị và ông cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe nên không xem xét.

[6] Về vật chứng: 02 khúc gỗ mà bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch T, tiêu hủy. 01 con dao cán vàng của ông B nhưng ông không nhận lại và đồng ý giao nộp nên tịch T tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí theo quy Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

- Căn cứ vào:

Điểm a khoản 1 Điều 134; i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 48; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 585; Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt Nguyễn Thị N 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Phạm Văn Đ số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

Đối với yêu cầu bồi thường các khoản T nhập bị mất như hợp đồng xe cuốc, tổn thất trong việc nuôi tôm, tiền ăn uống đi lại, tiền Tê tài xế xe cuốc với số tiền 293.760.000 đồng thì tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch T, tiêu hủy: 01 khúc cây khô (khúc gỗ) dài 66cm, có hình trụ tròn không đều, trên thân khúc cây có nhiều mắc nhánh được cắt vát và lồi lõm nham nhở, một đầu có chu vi 11,2cm, một đầu có chu vi 10cm (đã qua sử dụng). 01 khúc cây khô (khúc gỗ) dài 60cm, có hình trụ tròn không đều, trên thân khúc cây có nhiều mắc nhánh được cắt vát và lồi lõm nham nhở, một đầu có chu vi 11,5cm, một đầu có chu vi 10cm (đã qua sử dụng). 01 cây dao dài 21,5cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 10cm có chữ KIWI, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm (đã qua sử dụng). Các vật chứng nêu trên đang giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/12/2021.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự là 200.000 đồng. Buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự là 1.000.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGT;
- Lưu: HSA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho